

ĐIỀU TRA KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CÂY CÓ ÍCH CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI HUYỆN THÔNG NÔNG, TỈNH CAO BẰNG

LẠI THỊ BẢO HIỀN

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

**HÀ TUẤN ANH, NGUYỄN THỊ VÂN ANH, NGUYỄN VĂN DƯ,
TRƯƠNG ANH THƯ, BÙI VĂN THANH**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

LƯU ĐÀM NGỌC ANH, BÙI VĂN HƯƠNG

*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng là một trong 62 huyện nghèo nhất cả nước, toàn huyện có 11 đơn vị hành chính gồm 10 xã và 01 thị trấn trong đó có 9 xã thuộc diện xã đặc biệt khó khăn. Người dân ở đây chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số gồm dân tộc Nùng 8.187 người (chiếm 35,1%), Dao 6.038 người (chiếm 25,9%), Tày 5.276 người (chiếm 22,6%), Mông 3.761 người (chiếm 16,1%) và người Kinh 50 người (chiếm 0,21%). Phần lớn các dân tộc thiểu số trình độ dân trí chưa cao, không đồng đều, đời sống còn khó khăn và phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên, nhiều nét văn hóa truyền thống của dân tộc vẫn còn được gìn giữ và lưu truyền.

Cho đến nay, chưa có công bố nào về tri thức sử dụng thực vật ở huyện Thông Nông, do vậy việc điều tra, lưu giữ tri thức và kinh nghiệm trong việc sử dụng thực vật của đồng bào các dân tộc thiểu số nơi đây là rất cần thiết, không chỉ góp phần bảo tồn lưu giữ nguồn tri thức quý báu mà còn góp phần sàng lọc, đề xuất các biện pháp thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Địa điểm: Các xã Yên Sơn, Lương Can, Lương Thông, Ngọc Động, Đa Thông và thị trấn Thông Nông, huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng.

- Thời gian: Từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 2 năm 2015.

- Đối tượng: Các loài thực vật và kinh nghiệm sử dụng chúng của đồng bào các dân tộc Tày-Nùng, H'Mông và Dao.

- Nội dung: Điều tra kinh nghiệm sử dụng thực vật của đồng bào các dân tộc Tày-Nùng, H'Mông và Dao tại huyện Thông Nông; thu thập các mẫu vật liên quan.

- Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực vật truyền thống, phương pháp điều tra thực vật dân tộc học.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thành phần loài các cây có ích của các dân tộc thiểu số tại huyện Thông Nông

Qua quá trình điều tra và giám định mẫu vật thu được, đến nay đã xác định được 252 loài với 206 chi, 102 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch được đồng bào các dân tộc thiểu số tại huyện Thông Nông sử dụng vào các mục đích khác nhau. Sự phân bố các loài thực vật vào các ngành được thể hiện ở bảng 1.

Cấu trúc hệ thực vật được sử dụng

Ngành	Số họ	Số chi	Số loài
Lycopodiophyta	1	2	2
Equisetophyta	1	1	2
Polypodiophyta	5	5	5
Pinophyta	2	2	3
Magnoliophyta	93	196	240
<i>Dicotyledonae - lớp hai lá mầm</i>	74	163	199
<i>Monocotyledonae - lớp một lá mầm</i>	19	33	41
Tổng	102	206	252

Qua bảng 1, ta thấy, các loài thực vật được sử dụng chủ yếu thuộc ngành Ngọc lan-Magnoliophyta với 240 loài chiếm 95,2%. Điều này là hợp lý bởi trong hệ thực vật Việt Nam, ngành Ngọc lan cũng là ngành chiếm ưu thế tuyệt đối. Trong ngành Ngọc lan, lớp hai lá mầm chiếm đa số với 199 loài thuộc 163 chi và 74 họ (79,3 % số loài; 79,5% số chi và 73,3% số họ).

Trong các họ thực vật được sử dụng tại địa phương, mức độ sử dụng cũng được tập trung vào một số ít họ nhất định. Đây cũng là các họ có số lượng loài lớn ở Việt Nam và có sự phân bố rộng, đồng thời đây cũng là các họ có nhiều loài được ghi nhận làm thuốc hay có các giá trị khác. Mười họ có nhiều loài nhất bao gồm Euphorbiaceae (15 loài), Asteraceae (14 loài), Fabaceae (13 loài), Rutaceae (10 loài), Lamiaceae và Zingiberaceae (9 loài), Malvaceae, Moraceae, Rubiaceae và Araliaceae (cùng có 6 loài).

Trong số 252 loài thực vật đã xác định được, có 195 loài là cây hoang dại và 57 loài là cây trồng. Điều này cho thấy mức độ phụ thuộc của đời sống người dân vào tài nguyên thực vật là tương đối lớn. Việc khai thác và sử dụng cây cỏ tại đây nếu không có chính sách hợp lý sẽ có tác động to lớn đến đa dạng sinh học và ảnh hưởng tới môi trường.

2. Tri thức và kinh nghiệm sử dụng cây có ích của các dân tộc tại huyện Thông Nông

2.1. Đánh giá về trữ lượng tri thức trong sử dụng cây có ích của các dân tộc tại Thông Nông

Kết quả điều tra bước đầu tại huyện Thông Nông cho thấy, lượng tri thức của nhóm Tày-Nùng phong phú hơn cả với 207 loài, đứng thứ hai về lượng thông tin thu được là đồng bào Dao và cuối cùng là đồng bào H'Mông. Cộng đồng các dân tộc Tày-Nùng được đánh giá là nhóm dân tộc thiểu số hiện đại và phát triển nhất ở nước ta, họ chủ động và tích cực trong giao thương, học hỏi và tích lũy tri thức (Viện Dân tộc học, 1978). Trong các tri thức thu được của nhóm Tày- Nùng tại huyện Thông Nông, có rất nhiều tri thức học được từ người Dao, người H'Mông hoặc học được thông qua sách báo, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc qua các lớp học, các chương trình tập huấn... Người Dao tại huyện Thông Nông sống thành các cộng đồng nhỏ tại các “Lũng”- tức là tại các thung lũng nhỏ, ít giao lưu giữa các “Lũng” với nhau cũng như với các cộng đồng dân tộc khác nên tính ổn định về tri thức cao nhưng mức độ phong phú thì hạn chế. Các bản người H'Mông khá biệt lập, thường ở xa các trung tâm xã và ít có giao lưu trao đổi nên lượng thông tin thấp.

Mặc dù đã có những sự giao lưu nhất định và cả ba nhóm dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn của một huyện nhưng do địa bàn sinh sống khác nhau, điều kiện tiếp cận tài nguyên thiên nhiên khác nhau nên số loài thực vật được đồng thời cả ba nhóm dân tộc sử dụng không nhiều, chỉ có 14 loài (5,6 % tổng số).

Bảng 2

So sánh lượng tri thức về cây có ích của các dân tộc tại huyện Thông Nông

STT	Dân tộc	Số loài
1	Dao	121
2	H'Mông	50
3	Tày- Nùng	207

Có 95 loài thực vật được sử dụng bởi một nhóm dân tộc và 143 loài được hai trong ba nhóm dân tộc sử dụng, chủ yếu là nhóm Tày-Nùng sử dụng cùng với dân tộc Dao và H'Mông, số loài được cả người Dao và H'Mông sử dụng không đáng kể (bảng 3).

Bảng 3

So sánh mức độ tương tác trong sử dụng các loài thực vật

STT	Số dân tộc sử dụng	Số loài
1	1 dân tộc	95
2	2 dân tộc	143
3	3 dân tộc	14

2.2. Các nhóm cây có ích của đồng bào các dân tộc thiểu số tại huyện Thông Nông

Đồng bào dân tộc thiểu số tại huyện Thông Nông sử dụng các loài thực vật vào nhiều mục đích khác nhau. Trên cơ sở tầm quan trọng và mục đích sử dụng cây cỏ, chúng tôi phân chia các cây có ích ở đây thành các nhóm như trình bày trong bảng 4.

Bảng 4

Các nhóm cây có ích của đồng bào các dân tộc tại huyện Thông Nông

Nhóm công dụng	Tổng số loài	Sử dụng theo các dân tộc		
		Dao	H'Mông	Tày- Nùng
Cây làm thuốc	214	96	32	158
Cây ăn được	53	15	9	48
Cây làm men rượu	9	2	0	8
Cây làm thức ăn vật nuôi	13	0	10	3
Công dụng khác	36	5	6	35

Qua bảng 4 ta thấy, hai nhóm cây được sử dụng nhiều nhất là nhóm cây ăn được (53 loài) và nhóm cây được sử dụng làm thuốc (214 loài). Trong cuộc sống của người dân ở các vùng nông thôn, vùng núi cách xa các trung tâm đô thị thì việc tự cung tự cấp, giao lưu trong tiểu khu vực là rất cần thiết. Hơn nữa, với các khu vực kinh tế còn khó khăn thì nhu cầu hàng đầu của con người là lương thực- thực phẩm, thuốc chữa bệnh. Chính vì vậy mà nguồn tài nguyên được sử dụng vào hai mục đích này cũng chiếm phần lớn những gì họ khai thác. Các nhóm còn lại ít nhiều cũng được khai thác, sử dụng nhưng có nhu cầu ít hơn hoặc chỉ tập trung vào một số cây nhất định.

a. Các cây ăn được

Các cây ăn được bao gồm cây làm lương thực, thực phẩm, rau ăn, gia vị, cây cho hoa, quả, củ ăn trực tiếp hay gián tiếp hoặc qua chế biến thêm với một số thành phần khác. Trong số 53 loài cây ăn được tại Thông Nông, chúng tôi đã thống kê được các mục đích sử dụng trong ăn uống như sau.

Mục đích sử dụng cây ăn được

Stt	Mục đích ăn	Số loài
1	Cây làm lương thực	10
2	Cây thực phẩm	22
3	Cây làm gia vị	7
4	Cây ăn quả	18

* **Cây lương thực:** Cây lương thực là các cây cho tinh bột. Hiện chúng tôi mới xác định được 10 loài làm lương thực tại địa phương. Trong số các cây này, chúng tôi không ghi nhận được loài mới nào sử dụng làm lương thực mà vẫn là các loài chúng ta thấy được ở nhiều địa phương khác. Phổ biến và quan trọng hơn cả là: Lúa, Ngô, Khoai, Sắn. Một số cây được dùng với vai trò ít hơn như: củ Dong, củ Mài,... những loại này hiện nay được người dân ăn không nhằm mục đích chính là lương thực nữa mà chỉ góp phần làm phong phú thêm về các món ăn, thay đổi khẩu vị...

Trong các cây này thì cây Lúa có vai trò lớn đối với nhóm dân tộc Tày-Nùng và cũng chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến nhóm Tày-Nùng. Đồng bào Dao và H'Mông thì sống phụ thuộc chủ yếu vào Ngô, nguồn tinh bột chính của họ là Ngô. Ngô có mặt trong hầu hết các bữa ăn của người dân, thậm chí nhiều gia đình không dùng gạo mà chỉ ăn ngô gần như quanh năm.

Khoai, sắn và các loài cho tinh bột khác có vai trò không đáng kể trong đời sống người dân tại huyện Thông Nông.

* **Cây thực phẩm:** Cây làm thực phẩm bao gồm các cây dùng làm món ăn, ăn kèm với lương thực trong bữa ăn. Các loại rau phổ biến, được buôn bán và sử dụng tại địa phương chủ yếu có nguồn gốc từ bên ngoài huyện, chỉ một số ít loài được trồng tại chỗ như rau muống, một vài giống cải, rau ngót... và một số loài rau hoang dại, trong số đó có thể kể đến một số loài cây rau ăn đặc sản như: Ngót rừng, Dây hương, Đẳng sâm, Thổ sâm cao ly, các loại măng.... Trong số các loài cây làm thực phẩm thì ở huyện Thông Nông, cây Bí ngô có vai trò đặc biệt quan trọng. Bí ngô vừa làm rau trong thời kỳ sinh trưởng (ăn lá, ngọn non, hoa, quả) đồng thời cũng là nguồn thực phẩm dự trữ (quả già), ngoài ra, quả bí cũng là nguồn rau hàng đầu cho chăn nuôi lợn tại địa phương.

* **Cây làm gia vị:** Là các cây được dùng trong bữa ăn để tăng thêm khẩu vị của các món ăn. Kết quả điều tra đến nay đã xác định được 7 loài làm gia vị tại địa phương. Trong số các loài cây này thì Mắc mật, Mắc khén là các cây gia vị đặc trưng của nhóm Tày- Nùng không chỉ ở huyện Thông Nông mà còn ở các nơi khác thuộc tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn. Một nét độc đáo của đồng bào Tày- Nùng sử dụng cây riềng núi đá (*Alpinia sp.*) làm gia vị tạo ra mùi rất đặc trưng, thơm nhưng nếu đậm mùi thì có mùi giống bọ xít, loài riềng này được dùng nhiều trong các món ăn như Lạp sừng, thịt kho, thịt quay hay trong bánh trưng..., kinh nghiệm này không chỉ có ở Thông Nông mà còn có ở hầu hết các khu vực có người Tày- Nùng sinh sống tại tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn. Loài này đến nay vẫn chưa được xác định tên khoa học. Trong quá trình điều tra, chúng tôi không còn gặp loài này trong tự nhiên mà chỉ gặp cây trồng.

* **Cây ăn quả:** Các cây cho quả ăn không phải là rau. Đồng bào các dân tộc ở Thông Nông sử dụng 18 loài cây ăn quả bao gồm cả cây trồng và cây hoang dại. Tri thức về cây ăn quả ở đây không có điểm khác biệt với các điều tra trước đây, chủ yếu vẫn là một số cây trồng như: Hồng, Cam, Quýt, Bưởi hoặc các loại cây hoang dại như Me rừng, Dâu da đất, quả cây Nóng, Sô, Chòi mòi, Ruối, Mâm xôi...

Trong các loại cây ăn quả ở đây thì Na và Hồng là hai loại được đánh giá là có chất lượng cao, có điều kiện tự nhiên phù hợp để phát triển. Tuy nhiên do hiện tại, hai loài này chỉ được trồng rải rác, sản lượng trên toàn huyện thấp, bên cạnh đó thì giao thông từ huyện Thông Nông đến các thành thị khác còn nhiều khó khăn nên chưa có điều kiện phát triển. Đây cũng là hai loài cây ăn quả có tiềm năng phát triển trong tương lai gần ở Huyện.

b. Các cây làm thuốc

Trong các nhóm cây được người dân địa phương sử dụng thì các cây được dùng làm thuốc luôn chiếm tỷ lệ cao nhất. Tại huyện Thông Nông, đồng bào các dân tộc ở đây đã dùng tới 214 loài trong tổng số 252 loài có sử dụng (chiếm 84,9%) vào các mục đích khám chữa bệnh, bồi bổ cơ thể...

Bước đầu nghiên cứu, chúng tôi chia mục đích sử dụng cây thuốc thành các nhóm bệnh như trong bảng 6.

Bảng 6

Các nhóm bệnh và số loài cây thuốc của đồng bào các dân tộc huyện Thông Nông

Nhóm bệnh	Số loài được sử dụng			
	Tổng số	Dao	H' Mông	Tày-Nùng
Chữa các bệnh về tiêu hóa	44	26	5	32
Chữa các bệnh ngoài da, dị ứng, mẫn ngứa,	42	13	2	34
Chữa bệnh liên quan đến vận động (xương khớp...)	37	14	2	27
Tắm bổ	34	22	12	24
Các bệnh về thận, bài tiết	25	17	6	20
Chữa bệnh cho phụ nữ	19	10	2	15
Cảm sốt	20	9	4	14
Chữa bệnh về hô hấp	14	8	0	7
Chữa bệnh cho động vật	14	1	11	11
Chữa bệnh thần kinh	12	8	6	5
Rửa vết thương, cầm máu, giảm đau	10	7	3	7
Các bệnh khác (mệt mỏi, đau răng, ong đốt, rắn cắn...)	33	15	6	23

Bảng 6 cho thấy, các bệnh được người dân sử dụng nhiều loài cây thuốc chữa trị là bệnh về đường tiêu hoá (44 loài), bệnh ngoài da (42 loài) và bệnh liên quan tới hệ vận động (37 loài). Đây đều là các bệnh thường gặp tại các vùng nông thôn, miền núi còn nhiều khó khăn về kinh tế, điều kiện sinh hoạt kém phát triển. Nước sinh hoạt, nhà ở và ăn uống mất vệ sinh. Đường giao thông chưa phát triển nên việc đi lại khó khăn, đặc biệt là người dân thường xuyên vào rừng khai thác tài nguyên nên dễ gặp tai nạn, ảnh hưởng tới xương, cơ bắp...

Ngoài ra, các cây được dùng làm thuốc mát- bổ cũng chiếm số lượng tương đối lớn (34 loài). Điều này có thể hiểu là trong điều kiện về dinh dưỡng còn nhiều khó khăn lại phải lao động nặng nên người dân rất quan tâm tới việc phục hồi thể lực, duy trì sức khoẻ để đảm bảo lao động.

Bộ phận sử dụng dùng làm thuốc cũng là vấn đề cần được quan tâm bởi việc sử dụng này có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng bảo tồn, duy trì và tái sinh của các loài thực vật. Nếu người dân chỉ sử dụng cành lá hoặc thân thì cho dù bị khai thác ở mức độ cao, chúng vẫn đảm bảo được sự sống của các cá thể nhưng nếu khai thác gốc, rễ hay củ đối với các cây lâu năm thì đây lại tiềm ẩn nguy cơ gây suy giảm đa dạng sinh vật.

Bộ phận cây được dùng làm thuốc

Bộ phận dùng	Số loài được sử dụng			
	Tổng số	Dao	H'Mông	Tày-Nùng
Lá	113	43	16	99
Thân + vỏ thân	55	33	3	41
Cả cây	38	20	10	18
Hoa, quả, hạt	37	6	5	31
Rễ	22	5	1	16

Bảng 7 đã cho thấy, bộ phận được khai thác chủ yếu là lá với 113 loài (chiếm 53,0% tổng số loài làm thuốc), thêm vào đó là các bộ phận khác không gây ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống của cây hoa, quả, hạt cũng có số lượng nhất định (37 loài). Tuy nhiên số loài bị khai thác thân, vỏ cây hay khai thác cả cây, rễ vẫn còn lớn, lần lượt là 55, 38 và 22 loài đặc biệt phần lớn trong số đó lại là những cây lâu năm, có những loài có giá trị kinh tế cao đồng thời cũng là các loài có nguy cơ bị đe dọa cao như Bình vôi, Hoàng đằng, Khau lợt, Khau cát... Đây là điểm cần lưu ý khi đề xuất các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh vật và phát triển kinh tế địa phương.

c. Cây làm men rượu

Hiện đề tài mới xác định được 9 loài dùng làm men rượu, trong đó nhóm Tày-Nùng sử dụng 8 loài, đồng bào Dao sử dụng 2 loài và chưa xác định được loài nào do đồng bào H'Mông sử dụng. Trong quá trình điều tra, chúng tôi nhận thấy, đồng bào nhóm Tày-Nùng ở Thông Nông có nghề gia truyền nấu rượu. Rượu ở đây ngon và uống không bị đau đầu, hiện tại chỉ có nhóm Tày-Nùng còn làm men rượu và nấu rượu phục vụ nhu cầu của họ và bán cho những người khác. Trước đây đồng bào Dao cũng tự nấu rượu để dùng nhưng hiện nay những nhà còn tự nấu rất ít và cũng chỉ nấu vào dịp lễ, tết và họ không tự làm men nữa, họ mua men của người Tày-Nùng. Tương tự như vậy, đồng bào H'Mông cũng không tự sản xuất men nữa, thậm chí là nhiều gia đình người H'Mông không tự nấu rượu mà mua rượu của người Tày-Nùng vì rượu mua ngon hơn. Ngoài ra, do điều kiện khó khăn khi điều tra nên nhóm thực hiện đề tài cũng chưa tìm hiểu thật kỹ về tri thức trong việc sản xuất rượu của đồng bào Dao và H'Mông.

III. KẾT LUẬN

- Qua quá trình điều tra và giám định mẫu vật thu được, đến nay đã xác định được 252 loài với 206 chi, 102 họ thuộc 5 ngành thực vật bậc cao có mạch được đồng bào các dân tộc thiểu số tại huyện Thông Nông sử dụng vào các mục đích khác nhau, trong đó có 195 loài (77,4%) mọc hoang dại.

- Nhóm các cây được sử dụng làm thuốc chiếm số lượng lớn nhất với 214 loài, tiếp đến là nhóm các cây ăn được với 53 loài, các nhóm khác có số loài ít hơn.

- Các bệnh được người dân dùng nhiều loài chữa trị là bệnh về đường tiêu hoá (44 loài), bệnh ngoài da (42 loài) và bệnh liên quan tới hệ vận động (37 loài); bộ phận được khai thác chủ yếu là lá với 113 loài.

- Trong nhóm cây ăn được thì cây làm thực phẩm có 22 loài; cây làm lương thực có 10 loài; cây làm gia vị có 7 loài; cây cho quả ăn được gồm 18 loài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bản (chủ biên), 2003. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2.

2. **Nguyễn Tiên Bản (chủ biên)**, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 3.
3. **Võ Văn Chi**, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y học, Hà Nội.
4. **Lưu Đàm Cư**, 2005. Thực vật dân tộc học (bài giảng chuyên đề cao học - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật).
5. **Gary J. Martin**, 1995. Ethnobotany, a methods manual, Chapman & Hall, UK.
6. **Thông tấn xã Việt Nam**, 1997. Việt Nam hình ảnh cộng đồng 54 dân tộc, Nxb. Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
7. **Ủy ban Nhân dân huyện Thông Nông**, 2012. Quy hoạch tổng thể sử dụng đất huyện Thông Nông (tài liệu nội bộ).
8. **Viện dân tộc học**, 1978. Các dân tộc ít người ở Việt Nam, tập 1- Các dân tộc ở miền Bắc, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. **Viện Dược liệu**, 2004. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 1, Nxb. Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội.
10. **Viện Dược liệu**, 2004. Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Nxb. Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội, tập 2.

**SURVEY OF THE PLANTS BEING USED BY ETHNIC MINORITIES IN
THONG NONG DISTRICT, CAO BANG PROVINCE, VIETNAM**

**LAI THI BAO HIEN, HA TUAN ANH, NGUYEN THI VAN ANH,
NGUYEN VAN DU, TRUONG ANH THU, BUI VAN THANH,
LUU DAM NGOC ANH, BUI VAN HUONG,**

SUMMARY

This paper presents results of our survey on useful plants of ethnic minorities in Thong Nong district, Cao Bang province. Total number of used plant species was found to be 252 belonging to 206 genera, 102 families of 5 divisions of vascular plants, of which 195 species are wild plants (77.4%). Out of these, 214 medicinal species, 53 edible and some species are used for other purposes. 44 species are used for treatment of digestive tract, 42 species for treatment of skin diseases and 37 species for diseases related to the musculoskeletal system. 113 species have the leaves as the most useful part. 22 species are used as vegetable source, 10 species as food source, 7 species as spice source and 18 species as fruit source.